

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGD-ST

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Hằng A Nénh**

2. Ông: **Lò Văn Ngắm**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Trí Giáp – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2023/TLST-HN&GD ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGD ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Bản K, xã XL, huyện MA, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Bản L, xã XL, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang cai nghiện tại: TTCNMT số 1 HN, xã YB, huyện BV, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 7/6/2023, tại Bản tự khai của chị Lò Thị T ngày 15/6/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (Lò Thị T) và anh Lò Văn T tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Trước khi lấy nhau hai bên tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau và đến với nhau không chịu sự ép buộc hay tác động từ bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh Lò Văn T chuyển về sinh sống tại bản L, xã XL, huyện MA, tỉnh Điện Biên hạnh phúc được khoảng 10 năm. Từ năm 2020 Cuộc sống chung của vợ chồng tôi có phát sinh Lò Văn Nều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh Lò Văn T nghiện chất ma túy, không tu trí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con. Mâu thuẫn quá lớn khiến hai vợ chồng tôi không thể hoà hợp, giữa hai vợ chồng không

tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải Lò Văn Nều lần nhưng không thành. Do mâu thuẫn kéo dài từ năm 2021 tôi và anh Lò Văn T không sống cùng nhau nữa sau đó anh bị bắt đi cai nghiện TTCNMT số 1 HN, xã YB, huyện BV, thành phố Hà Nội. Vì vậy Tôi đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với anh Lò Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và anh Lò Văn T có 02 người con chung là cháu Lò Thị N, sinh ngày 13/8/2010 và cháu Lò Văn D, sinh ngày 09/7/2012. Chị có nguyện vọng về việc giải quyết con chung là nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Lò Văn N, cháu Lò Văn D cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Tôi và anh Lò Văn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Lò Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Lò Văn T; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

*** Bị đơn:** Theo nội dung Bản tự khai và giấy ý kiến của anh Lò Văn T ngày 26/6/2023. Anh Lò Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lò Thị T tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2010 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung tôi và chị Lò Thị T không phát sinh mâu thuẫn gì lớn.

Về con chung: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị T có 02 người con chung là cháu Lò Thị N, sinh ngày 13/8/2010 và cháu Lò Văn D, sinh ngày 09/7/2012. Nguyên vọng của anh Lò Văn T là hiện nay bản thân anh Lò Văn T đang Cai nghiện ma túy nên anh đồng ý để chị Lò Thị T nuôi dưỡng và chăm sóc các con đến khi anh cai nghiện trở về. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; về tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị T không có.

Ngày 26/6/2023 anh Lò Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nội dung đơn anh vẫn giữ nguyên như bản tự khai ngày 26/6/2023, anh không bổ sung gì thêm.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:**

- Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Lò Thị N và cháu Lò Văn D nguyện vọng của các cháu là muốn được ở với mẹ.

- Tòa án đã tiến hành xác minh điều kiện kinh tế của chị Lò Thị T tại bản K, xã XL, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự ở giai đoạn sơ thẩm.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T.

Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao 02 cháu Lò Thị N, sinh ngày 13/8/2010 và cháu Lò Văn D, sinh ngày 09/7/2012 cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Chị Lò Thị T và Anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Lò Văn T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Anh Lò Văn T được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị T, do chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị T với anh Lò Văn T thì được xác định là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, nhưng chị Lò Thị T và anh Lò Văn T không có đăng ký kết hôn nên thuộc trường hợp “yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại các Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời điểm chị Lò Thị T nộp đơn ly hôn, anh Lò Văn T có nơi cư trú tại bản L, xã XL, huyện MA, tỉnh Điện Biên (Hiện đang cai nghiện tại: TTCNMT số 1 HN, xã YB, huyện BV, thành phố Hà Nội) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Ngày 09/6/2023, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và đã có Công văn nhờ Trung tâm cai nghiện ma túy số 1 Hà Nội tổng đạt và anh Lò Văn T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án. Bị đơn – Anh Lò Văn T đã viết giấy ý kiến và bản tự khai.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Ngày 17/7/2023 chị Lò Thị T có đơn đề nghị không hòa giải tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên không tổ chức hòa giải. Tòa án ra Quyết

định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. anh Lò Văn T nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Lò Văn T cũng viết đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Vì anh đang đi cai nghiện. Tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Lò Thị T có mặt, bị đơn là anh Lò Văn T vắng mặt có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng bị đơn Lò Văn T.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Xét về quan hệ hôn nhân của chị Lò Thị T và anh Lò Văn T được xác lập vào năm 2010, việc sống chung là do hai anh chị tự nguyện, đến thời điểm đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ trên lời khai của các đương sự, Tòa án cũng tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lao, huyện Mường Ảng thì xác định chị Lò Thị T và anh Lò Văn T không có đăng ký kết hôn mặc dù đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy, quan hệ của hai anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy, anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bốn phận của người đó, điều này chứng tỏ chị Lò Thị T, anh Lò Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng. Anh Lò Văn T nghiện chất ma túy và đang đi cai nghiện tại trung tâm cai nghiện số 1 Hà Nội. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình xác định yêu cầu của chị Lò Thị T là có cơ sở để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị T cũng như nguyện vọng của 02 cháu Lò Thị N và cháu Lò Văn D thì thấy: Việc chị Lò Thị T muốn tự mình nuôi 02 cháu (Lò Văn N + Lò Văn D) là phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Hiện nay 02 cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Nên áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 cháu Lò Thị N và cháu Lò Văn D cho chị Lò Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Xét thấy chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, vì vậy Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị T và anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị N, sinh ngày 13/8/2010 và cháu Lò Văn D, sinh ngày 09/7/2012 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn T, chị Lò Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lò Văn T có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Thị T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Lò Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ thu về, nợ phải trả: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T không có.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị T.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã Xuân Lao, h. Mường Ảng
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân